

895.922 803

ĐC

CH 305 KH

ÔNG VĂN NHỎ

CHIẾN KHU RỪNG SẮT



PHẦN XẤU BẢN ĐỒNG NAI

CHIẾN KHU RỪNG SÁT

Lương Văn Nho — chỉ đạo thực hiện
Trần Phấn Chấn — viết

Nhà xuất bản Đồng Nai — 1983.

*** * ***

Số lượng in : 15.000. Khổ : 13 × 19
Số xuất bản : 13/SĐN-83. In tại Nhà in
Thanh Niên (Thành Đoàn Tp. Hồ Chí
Minh), 62 Trương Tấn Bửu Phú Nhuận.
In xong tháng 12 năm 1983. Gửi lưu
chiều tháng 12 năm 1983.

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Biên tập :

Sửa bản in :

Chịu trách nhiệm Mỹ thuật :

Biên của Hội sở :

NGUYỄN THỊ THANH THẢO

PHẠM MINH HÀ

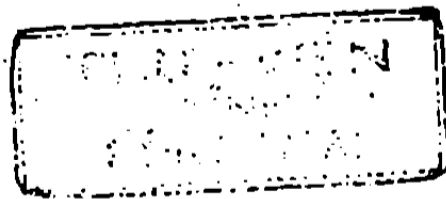
THỤY VŨ

PHAN NGUYỄN

ĐÌNH TRÁNG

LƯƠNG VĂN NHỎ

CHIẾN KHU RỪNG SẮT



2018/ĐC/VV

00001290

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
1983

LỜI GIỚI THIỆU

Rừng Sát ở Miền Đông Nam Bộ là tên gọi một vùng rừng cây nước mặn nằm trên địa bàn chiến lược quan trọng án ngữ cửa ngõ phía Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nơi đây là một trong những chiến khu nổi tiếng, nơi xuất phát của những trận đánh thẳng vào sào huyệt và khu vực kho tàng lớn nhất của địch làm cho chúng nhiều phen khiếp sợ.

Trên vùng sinh lầy nước mặn, người dân Rừng Sát vốn mang đậm tính cách lam lũ làm ăn, khoét rừng vớt nước, thích tự do phóng túng, yếm nước, căm thù giặc sâu sắc. Do đặc điểm về địa lý, Rừng Sát trở thành nơi độ sức quyết liệt giữa ta với quân thù. Vượt lên những khó khăn của một vùng đất thiếu gạo và nước ngọt, bị quân thù vây tỏa ngặt nghèo, quân và dân Rừng Sát với tinh thần « không có gì quý hơn độc lập tự do » đã chiến đấu cực kỳ dũng cảm, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của dân tộc. Trải bao biến động lớn lao trong lịch sử, Rừng Sát như người lính tiền tiêu canh giữ một

vùng đất nước, son sắt thủy chung, bất khuất thành đồng.

Việc ghi lại truyền thống đấu tranh kiên cường của quân và dân Rừng Sắt có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Được sự giúp đỡ của Phòng Lịch sử quân sự Quân Khu 7 cùng với nhiều cán bộ chiến sĩ từng tham gia chiến đấu ở Rừng Sắt, đồng chí Lương Văn Nho (người chỉ đạo thực hiện) và đồng chí Trần Phấn Chấn (người viết) đã tiến hành biên soạn cuốn « Chiến khu Rừng Sắt » dưới dạng tập hợp giới thiệu tư liệu lịch sử. Cuốn sách đã được Nhà xuất bản Hồng Nai biên tập và xuất bản.

Thông qua việc giới thiệu mảnh đất con người, quá trình đấu tranh và truyền thống cách mạng của quân và dân Rừng Sắt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cuốn sách nhằm ca ngợi đức linh chịu đựng hy sinh, một lòng một dạ với cách mạng và những cống hiến vô bờ của nhân dân Rừng Sắt; ca ngợi phẩm chất cách mạng trong sáng, tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí sáng tạo, lập được nhiều thành tích xuất sắc của tập thể cán bộ chiến sĩ chiến đấu ở Rừng Sắt; ca ngợi mối tình gắn bó máu thịt giữa nhân dân và bộ đội, giữa tiền tuyến và hậu phương, những người lính từ khắp mọi miền Tổ quốc về đây chiến đấu trong tình thương, chở che đùm bọc của toàn thể nhân dân Rừng Sắt.

Mặc dù đã được cơ quan chuyên môn và các nhân chứng Rừng Sắt đọc bản thảo, góp ý kiến sửa chữa nhiều lần nhưng do việc sưu tầm chỉnh lý tư liệu gặp khó khăn nên cuốn sách chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót, dù sao « Chiến khu Rừng Sắt »

ra mắt bạn đọc là một đáp ứng cần thiết và kịp thời phần nào thỏa mãn nhu cầu tình cảm của quân và dân Rừng Sát, góp phần giáo dục truyền thống và giới thiệu tư liệu, những nét lịch sử độc đáo riêng biệt của một chiến khu ở Miền Đông Nam Bộ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

PHÒNG LỊCH SỬ QUÂN SỰ QUÂN KHU 7

RỪNG SẮT — ĐỊA LÝ — LỊCH SỬ — CON NGƯỜI

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Giã Định, Đồng Nai thì về.*

Đứng ở chỗ dòng nước chia hai đó, nơi gặp nhau của ba con sông : Nhà Bè, Lòng Tàu và Soài Rạp, nhìn xa bên hướng Đông Bắc : xứ « Cọp Biên Hòa », nhìn xuống phía Đông Nam : xứ « Ma Rừng Sắt ». Có ai ngờ ở ngay ven thành phố « Hòn ngọc Viễn đông » này lại có một khu rừng mà trước khi quân Mỹ giẫm chân lên đất Việt Nam, người ta còn liệt vào loại rừng chưa khai phá trên thế giới. « Cọp Biên Hòa » đã một « thời vang bóng », « Ma Rừng Sắt » là đề tài hấp dẫn trên những trang báo Sài Gòn xưa kia.

Từ Sài Gòn đi về hướng Đông Nam theo đường chim bay, khoảng bảy tám cây số thôi, ta thấy đất tự nhiên thấp dần, khi nước lớn ở đây chỉ còn lại những gò nổi giữa vùng vầy trũng điệp lá dừa nước : đó là nơi Rừng Sắt đặt chân lên đất liền. Càng đi dần về hướng Nam, Đông Nam, sông lầy, sông rạch càng nhiều. Từ trên máy bay nhìn xuống ta thấy cả một tập hợp cù lao mà người ta gọi là những « đảo triều », chỉ chút đảo lớn, đảo nhỏ chen nhau giữa đường 15 (ở phía Đông) và sông Soài Rạp (ở phía Tây), được tạo nên bằng những dòng sông và hàng ngàn nhánh rẽ.

Nếu « đất liền » là đất có độ cao nhất định và định hình thì Rừng Sát là cái « gạch nối » giữa đất liền với biển, cái gạch nối ở đây không chỉ giữa đất với biển mà còn giữa nước mặn với nước ngọt. Như vậy Rừng Sát là rừng sinh sống trên vùng đất thấp ven biển.

Tại sao gọi là Rừng Sát ? Cũng có sách vở ghi là « Rừng Sác », « Sác » là tiếng nôm chỉ rừng nước mặn trên bãi biển sinh lầy. Sự không thống nhất giữa « Sát » và « Sác » đã nói lên khó khăn trong việc tìm ý nghĩa, lai lịch của nó.

Về sự hình thành của Rừng Sát ở Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh thì chính hình dáng « bàn tay xòe » của sông rạch trên tấm bản đồ Miền Đông đã phần nào giải thích. Sông Vàm Cỏ Tây, sông Vàm Cỏ Đông, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai... là những ngón tay xòe từ lòng bàn tay là Rừng Sát, vươn dài tận biên giới Việt Nam Campuchia. Bốn con sông lớn châu về một hướng với tốc độ giảm dần đã tạo nên sự hội tụ phù sa vùng cửa biển. Trong khi đó dòng thủy triều lại bồi cát thành gờ cao ven biển chặn các luồng lạch tạo thành vùng sinh lầy ú nước bên trong. Quá trình vận động này đã diễn ra trong khung cảnh của miền khí hậu nhiệt đới. Đó là những điều kiện để cho một thảm thực vật đặc biệt này sinh. Nó chỉ gồm vài loại cây bàm rễ được vào đất bờ, chịu đựng được những thay đổi xoay chiều của trời đất : ngập nước — cạn khô, nước ngọt — nước mặn, nước chua — kiềm, nóng... tất cả phần sinh vật sống phối hợp với phần « không sống » đất, khoáng, nước — thành một hệ sinh thái, ở thế quân bình luôn luôn trẻ nhờ chuyển động nhịp nhàng với thủy triều.

Qua tài liệu của Pháp, của Mỹ rồi của ta ngày nay, người ta thấy đất đai Rừng Sát mỗi năm đều có thay

đổi, chỉ nói riêng hai thứ đất và nước, chỉ một năm thôi, nhưng khoảng khắc ba trăm sáu mươi lăm ngày ấy đủ cho khoa học địa lý chứng minh sự thay đổi hàng bao nhiêu mét trên thực địa, có nghĩa là sự chênh lệch không thể xem thường được giữa thực địa và bản đồ : bản đồ từng năm !

Theo các nhà nghiên cứu, vào khoảng cuối kỷ thứ 3 đầu kỷ thứ 4 thuộc tân sinh đại của lịch sử vỏ trái đất, đại bộ phận đất đai Campuchia và cả Nam Bộ Việt Nam ngày nay còn là một cái vịnh lớn ăn thông với đại dương. Sông biển Đông còn vỗ bờ dưới chân núi Đăng-réc. Từ ấy, các địa tầng đã trải qua nhiều cuộc biến dạng, các lớp trên vỏ trái đất bồi thêm lấp lại và lở mất do các đại dương chuyển động. Đất địa Rừng Sắt là đất đã chững lại được qua các quá trình biến dạng đó. Nếu như không có sự chịu đựng của những vùng đất như vậy thì mảng bèn trong lục địa còn có thể bị biển cả nhận chìm hoặc phải sạch chưa biết đến tận đâu.

Mặt đất Rừng Sắt có cao trình từ 2,5 đến 3,7 mét so với độ không hải đồ. Mạn Tây sông Lóng Tàu đổ qua sông Soài Rạp đất tự nhiên có cao so với mặt nước trung bình. Sắt biển Cần Giờ có nổi lên những giồng cát : Giồng Ao, Giồng Cháy... Phía Đông lưu vực sông Thị Vải là triền núi. Ở đây có nhiều núi thấp, đất nhiều sỏi đá. Hàng trăm gò lớn nhỏ của Rừng Sắt bị nhận chìm khi nước lớn. Xen kẽ và bao quanh cả khu rừng ngập mặn hoang vu như vậy người ta lại thấy những khu ruộng lúa, nương rẫy và cây ăn trái, ruộng muối, rừng giồng.

Có thể nói đây là một vùng hội tụ của sông rạch. Sông rạch lớn nhỏ không phải hàng trăm mà hàng ngàn, chằng chịt như một « trận đồ bát quái ». Nào sông,

rạch, lắt, ngọn, bùn, lạch luông... (chính vì vậy mà hồi đánh Pháp cũng như hồi đánh Mỹ đã có bao nhiêu chiến sĩ ta lạc trong cái « trận đồ bát quái » này). Chỉ trên một đoạn bờ biển dài khoảng hai mươi kilômét đã có bốn cửa sông lớn : sông Soài Rạp, sông Đồng Tranh, sông Ngũ Bẫy, sông Lạch Ta Chen. Sông rạch cắt ngang, cắt dọc chia bãi triều lớn thành các « đảo triều » và có luông lạch bao bọc những « lạch triều » chạy vào bãi. Cộng diện tích bề mặt sông chiếm tới một phần tư diện tích Rừng Sát.

Bãi bùn ở miền Rừng Sát này thì hầu như con sông nào cũng có những bãi lan ra xa cửa biển, cho nên lòng sông thường bị cạn, nhất là ở mạn doi gành Rái.

Biển Cần Giờ lại có những bãi cát kéo dài rất xa. Xa đến ba cây số.

Cửa sông Đồng Tranh cũng có hai mũi — Mũi Nai (hoặc mũi Đồng Tranh), bên kia là Mũi Lý Nhơn. Tất cả các mũi ở cửa biển Rừng Sát đều có cát bồi. Tất cả các dãy cát bồi ấy đều bồi theo hướng Nam Đông Nam. Sở dĩ có hiện tượng này vì dòng nước ở cửa sông Soài Rạp rất mạnh. Cửa sông Soài Rạp là cửa rộng nhất trong các cửa sông ở Rừng Sát, mở ra từ năm đến tám cây số theo đường chim bay cắt ngang. Cát xuôi theo dòng nước ra cửa biển, về phía Thừa Đức, hướng Nam — Đông Nam, cửa sông này rộng đến mười lăm hai mươi cây số.

Về độ sâu, các sông rạch của Rừng Sát, như sông Cái Giáp, sông Thị Vải, sông Gò Gia thì sâu từ mười đến mười lăm, hai mươi mét, nhưng chỉ ở đoạn ngoài gần cửa biển thôi, vô trong cạn dần, vì những con sông vừa kể trên đều bắt nguồn từ chân núi Thị Vải, núi Tóc Tiên và khu lòng chảo Nhơn Trạch, Long Thành.

Sông Lạch Ta Chen sâu từ bảy đến mười mét. Riêng sông Ngũ Bẫy nối liền với sông Lòng Tàu là sâu nhất. Đoạn vịnh gành Rài có chỗ sâu tới 29 mét. Nhờ thế mà tàu hàng chục ngàn tấn có thể vào cảng được.

Đồ về phía Tây Rừng Sát thì có sông Đồng Tranh, mũi Nai, Cát Lái, Soài Rạp, ở giữa sông cũng chỉ sâu từ ba, bốn đến mười mét mà thôi.

Bãi triều ngập mặn hoang vu ấy đối với giới Nho sĩ Gia Định xưa lại là chốn rừng xanh nước biếc đầy nguy hiểm dành cho khách du lịch hiếu kỳ : « Vũng nước sâu rộng, có nhiều rạch lớn đổ vào. Khi ánh mặt trời sớm chiều với bóng mây rơi xuống lẫn vào bóng cây xanh mát, sóng nước lao xao thì từ xa nhìn đến quả là cảnh tượng tươi thắm... Trong vũng nước này nhiều cá sấu nường nấu thường rình bắt người... » (theo sách Gia Định Thành Thông Chí).

Vũng Gấm là một vũng nước mặt sóng sánh như gấm. Đó là một thắng cảnh mà Trịnh Hoài Đức đã xếp ngang với những thắng cảnh Nhà Bè, Gò Cây Mai, rừng Trảng Bàng, sông Mỹ Tho, bến Cá Biền Hòa xưa.

Đứng trên sông Ngũ Bẫy nổi sóng giữa Rừng Sát mà nhìn, thấy núi giăng ba mặt : Bắc, Đông, Đông Nam. « Trông về phương Bắc thấy núi Dinh ở chân trời thì lòng người dân Việt cảm thông với công lao dựng nước và giữ nước của tổ tiên hơn ở đâu hết » (Bến Nghé xưa — Sơn Nam).

Có ý kiến cho rằng, hai tiếng Rừng Sát chính là từ chữ « Rừng Sắc » mà ra. Rừng ở đây hoa nhiều sắc, lá nhiều màu, cây từng từng lớp lớp... Về hình dáng, nó có cái âm u của rừng xứ nóng với những đám lá tối trời dày leo chằng chịt, nhưng cũng có dáng dấp của rừng xứ lạnh với những tập đoàn cây

riêng lẻ ngự trị trên những lớp đất khác nhau về độ mặn : những « bãi chà » nằm san sát trên mặt nước, những ống dừa được mọc mà từ muôn ngàn « chiếc nơm » vọt lên cao, những rừng gùom dừa nước trùng trùng điệp điệp... Bên những dòng, sông bao la chân trời và ánh nắng lại có những hang động chà là bịt bùng thế giới riêng một cõi, những « mái nhà rân » menh mông chỉ có đất mà không có trời...

Về mặt khoa học, đây là một tổ hợp thảo mộc nhiệt đới rất đặc biệt gồm 60 loài. Cây ở đây không cao bằng ở Năm Căn, Cà Mau, nhưng thịt chắc và bền hơn. « Người chiến sĩ tiên phong » trong cuộc chiến tranh biển và đất là cây mắm. Với bộ rễ « vĩ đại » chiếm tám chục phần trăm toàn phần của cây, mắm đứng ngay đầu sóng, sẵn sàng thúc thừc với biển cả. Đứng sau cây mắm là cây bần có bộ rễ dương đầu nổi với mồn xoáy. Sau cây mắm, cây bần, các cây được, dà, chà là, rân lần lượt xuất hiện theo độ mặn. Được chỉ cho phép dà, hồi, chỉ, cùng song song tồn tại. Chà là thì « độc quyền » từng khoảng đất. Sau cùng nơi Rừng Sát dật chân lên đất liền là cây dừa nước.

Hết gao đã có Hồng Nai

Hết củi đã có Tân Sài chở vó

Tân Sài chỉ tên đất Sài Tân ở Rừng Sát. Nơi đây xưa kia đồng bào chuyên nghề đốn củi hợp thành vạ gọi là « vạ Tân Sài ». Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức coi Rừng Sát là « Đất sinh ra để nuôi dưỡng người dân Gia Định » (Gia Định ở đây là « Gia Định Thành » cai quản 5 trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên) : « Có cây dà, cây được, cây su và những cây tạp cạnh lá giao nhau rừng cây xanh rậm che kín ánh mặt trời. Người ta kéo vào đốn những cây ấy làm nhà cửa, rào giậu,

than củi không ngay náo ngớt. Còn những hải sản như tôm, cá, cua, sam, ốc thì bắt không hết, mà không có ai ngăn cấm. Ấy là món lợi rất lớn, rất công bằng của trời đất, sinh ra để nuôi dưỡng người dân Gia Định. »

Mỗi loài cây chiếm một vị trí trong cuộc chiến tranh với biển, nhưng về khoản « tiền rừng » thì trước tiên người ta nói đến cây đước. Đước giữ vai trò cũng cổ trăn địa: nó giữ lại những gì cần thiết mà nước đã đem lại cho đất. Nó đứng hàng đầu cả về số lượng (40.000 ha), lẫn chất lượng gỗ trong các loài cây ở Rừng Sát. Người ta tính một hecta đước khai thác luận kỳ trong hai mươi năm sẽ đem lại 130 xte củi, 2500 cây cọc. Nếu áp dụng kỹ thuật khai thác tốt, vận xuất vận chuyển thì sau khi trừ vốn trồng, chi phí khai thác, tỉ lệ cây chết... bình quân mỗi năm thu vào ngân sách nhà nước là 8.000 đến 9.000 đồng (thời giá đầu năm 1981).

Khi chưa bị tàn phá, hầu hết các loài thú rừng nhiệt đới đều có mặt ở Rừng Sát : heo rừng, khỉ đen, khỉ đột, rái nước, trăn, kỳ đà, sóc bông, nai, tê tê, chồn hương, chồn đất, beo, mèo rừng, dơi quạ... và không loại trừ « chúa rừng », « chúa nước ».

Xưa kia, đêm đêm dân chài lưới thường nghe cộp cộp văng vẳng ở phía sông Tiền, Rạch Lá, Thiềng Liềng, Giồng Chùa, rạch Sủ... Dấu vết rùng rợn của cộp còn để lại là một tên xóm : « Xóm An Thịn ». Đó là một xóm của xã Tam Thôn Hiệp, một cù lao hình tam giác gồm « ba thôn hiệp lại ». Gốc tích của nó từ chữ an thịn mà ra. Hồi xưa vùng này nổi tiếng « sâu rạch Lá, hạm An Thịn » (hạm là tiếng nhàn dân Rừng Sát gọi con hổ). Nơi đây có một lần hạm nhảy xuống ghe lật chết người chồng chủ ghe rồi lôi xệch người vợ lên

bờ xé xác ăn hết thịt, chỉ để lại cái đầu, bộ lông và xương. Không xa đó, thôn Khánh Do, cứ chiều chiều chó săn cũng cuống cuống chui vào xó trốn vì nghe mùi hạm... Nhưng lúc hại hơn cả hạm chính là con heo. Heo Rừng Sát xưa kia thường phục kích trên chằng hai, chằng ba cây tại các khúc quanh âm u, xuống ghe đến, nó bắt thần nhào xuống móc họng người ta chết tại chỗ. Những chuyện này thường xảy ra ở cây bần qui khô khúc queo, gần khúc của Rạch Tràm nối với Kinh Ngang (đi Bà Bông), ở cây mắm có chằng hai ở « tắt Tư Huỳnh»...

Con nưa chín mũi, có người gọi là trăn nước là một con vật có thật và có thể coi là «con thuồng luồng» của Rừng Sát. Chó đến thời chín năm, chiến sĩ Vệ quốc còn được chứng kiến những đêm giao chiến heo rừng — trăn nước. Con vật hiếm hoi này (ngày nay ít thấy) chỉ xuất hiện từng cặp vào những ngày đông lũ, nước ngập lâu ngày. Khi nó lên thì đầy cả rừng, heo nai nhón nháo, nai thì chỉ có chạy, heo rừng thì nghênh chiến. Các trận đánh heo nưa thường xảy ra vào ban đêm trên các gò cao. Heo nhanh xông lên phía trước, heo mẹ, heo con phía sau kêu la ầm ĩ, sáng ra trên bãi chiến trường cây cối tơi tả, xác vật còn lại có khi là heo, có khi là nưa. Hồi đó, đại đội Nhà Bè từng lượm xác heo một lúc 3 con từ 40 kí lô trở lên, một lần khác nhặt được xác nưa dài trên 15 mét. Họ hàng đông đúc ở Rừng Sát còn có rái nước, mỗi năm đều có những ngày hội của rái mà nhân dân ở đây gọi là ngày giỗ rái. Ngày này hàng trăm con rái tụ tập sắp hàng trên các gò nổi.

Chim muông Rừng Sát cũng nhiều dạng, có giống xuất hiện theo từng mùa, có giống lấy nơi đây làm quê hương : bồ nông, cò quắm, sếu, diệc, ó, hải âu, ưng,

vẹt, chàng bẻ, bìm bịp, cú quạ, hồng hộc, le le... Bìm bịp là giống chim đã đi vào ca dời sống và chiến đấu ở Rừng Sát. Bìm bịp kêu báo hiệu con nước đang sắp chuyển động. Nếu là nước đang ròng thì khi nghe bìm bịp kêu xuống ghe chuồn bị ra đi. Nếu là nước đang lớn, nghe bìm bịp kêu người đi ghe xuống phải liệu sức mà chèo chống đề khỏi mắc lầy. Chiến sĩ Vệ quốc có câu «dánh giặc theo tiếng chim bìm bịp» bởi vì tiếng chim bìm bịp có quan hệ đến giờ giấc tàu giặc vào, tàu giặc ra..

Cho đến khoảng năm 1948, chiến tranh đã làm tàn mạt muông thú ở Rừng Sát, và khi chất độc hóa học, bom đạn Mỹ ném xuống đây thì các giống heo, hạm, trăn nước đã dần đi vào «chuyện cổ tích». Ngày nay, ở Rừng Sát vẫn còn nhiều khỉ, heo rừng, các giống chim thú khác còn rải rác đó đây như nai ở Thạnh An giáp tỉnh Đồng Nai, chim còn tụ tập ở các vùng từ Vàm Chùa (xã Thạnh An) qua khu Thiềng Liềng, Đền Xanh, Vàm Sát (xã Lý Nhơn).

Nói đến khoảng «bạc hiên» thì cá và tôm là một trong hai thế mạnh của Rừng Sát (dước và cá tôm). Trong hàng trăm giống cá tôm ở đây thì có trên 15 loài đông đúc nhất: cá chẻm, mập, nhám, đuối, bóng mú, dổi, kèo, sủ, sấu, chột, thu, tráp... tôm thẻ, tôm đất, tôm càng xanh, tôm xú. Cá, tôm, cua, chẻm chếp, ốc ngựa, ốc len, nha, còng thòi lòi, bóng cắt... tấp nập rộn ràng bò trên mặt sinh lầy, leo lên thân cây, thả theo dòng nước... hàng hà sa số. Bên cạnh từng đàn dổi bay, dổi kèn đang tung tăng mừng nước lớn, rộn ràng hội họp trong các chùm rễ dước, mằm... Hàng vạn vạn tôm tép âm thầm, lặng lẽ quơ quơ râu, giương mắt tìm, đồ không vội vàng mà nước tới đâu là có mặt tới đó. Cá, tôm, cua, ốc hàng năm sống ở Rừng Sát lên đến vài tấn/hecta.

Ở đây, 10 tấn hecta cánh khô lá rụng hàng năm là nguồn mìn cho lật và thức ăn cho chúng nó. Nguồn thức ăn này cùng với chế độ thủy triều độ mặn, độ PH... trên bãi triều hoang vu, mênh mông với hàng ngàn sông rạch, tắt, bùn, luồng, bãi... đã biến Rừng Sát thành một cái nôi của 50% các loài tôm cá biển (theo tiến sĩ Bùi Thị Lạng). Tôm thẻ vừa đẻ ra ở ngoài khơi Vũng Tàu, Hòn Khoai đồng loạt theo dòng hải triều dâng tràn qua sông, len qua mạng lưới kinh rạch, đến bám vào các «lân» bùn của Rừng Sát. Khi triều rút, tôm non quanh quẩn ăn náu ở các vùng nước sông, vừa thoảng vừa có nhiều thức ăn, lại vừa thoát khỏi vòng cua biển vừa tránh được cá chēm to là thứ chỉ chọn mỗi tôm. Tôm càng (*macrobrachium rosenbergi*) từ các ngọn sông rạch của Đồng Nai, Sài Gòn, Vàm Cỏ cũng di chuyển đến ven Rừng Sát đẻ đẻ trứng, nuôi con.

(Ở các nước ôn đới, muốn bắt tôm, người ta phải ra biển sâu với những phương tiện tốn kém, trong khi đó, Rừng Sát là cái nôi tự nhiên của tôm thẻ (*peneus merguensis*, *P. indicus*) rọ phát đồng đúc, có thể bắt bằng tay không).

Cá sấu là loài «chúa nước» ở khu rừng ngập mặn này. «Dữ như cá sấu Vũng Gấm» đã trở thành một ngôn ngữ. Đến thời đánh Pháp, Vệ quốc đoàn Rừng Sát ngâm nga câu ca dao :

*Rừng sâu nước mặn phèn chua
Trăm ngàn cá sấu thi đua vầy vùng.*

Cá sấu sống từng bầy ở sông Vàm Sát, sông Bà Nghĩa, Rạch Lá, sông Kèo... Thời đánh Mỹ, con thú dữ trong lòng nước này là một đối thủ đáng gờm và là một đối tượng chiến đấu. Ngày nay chúng nó vẫn nhe nanh múa vuốt ở ngã ba Đồng Tranh, Rạch Tràm, Rạch Lá, sông Bà Nghĩa, sông Ông Kèo...

Dưới lớp nước Rừng Sát, người ta lại tìm thấy loại đất sét có thể làm gạch hay hóa chất công nghiệp, chất vôi lấy từ vỏ hàu, nghêu, sò, phốt phat và thạch cao ở thể kết tủa. Đó là chưa kể các loại hóa chất khác chỉ đòi hỏi qui trình kỹ thuật khai thác đơn giản.

Đứng giữa thành phố công nghiệp đông dân và biển, Rừng Sát trở nên một cái máy điều hòa không lồ được gió biển phát huy sức mạnh. Gió chuyển chở các nguồn dưỡng khí và cái tươi mát, trong lành của biển cả, rừng xanh đi vào thành phố. Cho nên, vào những ngày hè nắng gắt, đi trên đường phố bụi và khói của Sài Gòn, người ta vẫn cảm thấy được cái mát từ phương nam tràn về. Nhưng lớn lao hơn cả cái mát là tác dụng cải thiện môi trường sống. Đó là cái qui không gì đánh đổi được của bất kỳ một khu rừng nào đứng cạnh một thành phố lớn.

Nhìn lại tất cả những con sông Rừng Sát, sông Lòng Tàu nổi bật hẳn lên về độ sâu và hoạt động ổn định của nước, của đất quanh năm không có sương mù, nó lại có chiều rộng (không có chỗ nào hẹp dưới 300 mét). Tất cả những điều kiện đó đảm bảo cho sông Lòng Tàu trở thành một cửa ngõ quốc tế quan trọng trên một miền của đất nước. Lòng Tàu là tên gộp của nhiều đoạn, dài 15 cây số. Tự vị Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Lòng Tàu : « chính đường tầu chạy ở giữa sông ». Tàu đại dương đi vào cảng Sài Gòn phải qua cửa vịnh gành Rái bên sông Ngũ Bẫy, ngang qua Mũi nước vắn, ngược lên một đoạn dài, đoạn sông Lòng Tàu, qua khỏi ngã ba Đồng Tranh thì đi vào sông Nhà Bè để lên cảng Sài Gòn.

Nhìn vào bản đồ, ta thấy sông Soài Rạp có vẻ « vận trù học » hơn nhiều : cửa mở ra đến 15 -- 20 cây số, lòng sông rộng, chiều dài từ biển vào Sài Gòn ngắn gấp mười sông Lòng Tàu. Tuy vậy, cửa ngõ quốc tế không

chuyển về đây được chỉ vì một lý do duy nhất : cạn ! Đã cạn lại có những cồn cát ngầm rất bất ngờ. Chỉ một vài con nước đã thấy bồi cao chỗ này, xoáy sâu chỗ kia. Sông này chỉ cho phép tàu năm, bảy ngàn tấn đi qua theo con nước. Trái lại, với độ sâu từ 9 đến 12 mét, có nơi đến 20—29 mét, sông Lòng Tàu cho phép những chiếc tàu hàng chục ngàn tấn đi qua. Trước đây Mỹ và bốn hải quân, hải thuyền Mỹ cùng với bốn nguy Sài Gòn định chuyển con đường tàu bè hải ngoại vào cảng Sài Gòn bằng đường sông Soài Rạp. Đi được con đường này ngoài mấy cái lợi sông ngắn và rộng còn ít quanh co, đối phương khó tấn công các tàu hàng quân sự. Thế nhưng chỉ một điều không giải quyết được, đó là tốc độ lấp cạn. Cạn, nếu chỉ vậy thôi thì phương pháp nạo vét hiện đại và sức vóc Mỹ thời đó nào có chịu thua. Vậy mà theo các tài liệu khai thác được về con sông này, chỉ riêng cái khoáng tốc độ lấp cạn dòng sông, Mỹ đành phải bó tay.

Thông thường, tàu trên dưới 20 ngàn tấn đều có thể vào sông Lòng Tàu. Năm 1964, chiếc tàu sân bay Card mười lăm ngàn tấn đã qua đây (theo tài liệu Mỹ đó là chiến hạm vào loại lớn nhất của Mỹ hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai). Nhưng đó là chuyến đi có vào mùa không có ra (ngày 2 tháng 5 năm 1964 ngay tại cảng Sài Gòn chiếc tàu đã bị min biệt động Sài Gòn đánh đắm, kéo theo cả 19 máy bay lên thẳng). Từ đó không thấy tàu Mỹ 15 ngàn tấn trở lên dám dẫn xúc vào Sài Gòn nữa. Năm 1980, hoa tiêu Việt Nam đã dẫn một chiếc tàu lớn nhất trong số tàu của sông Lòng Tàu xưa nay : chiếc tàu Liên Xô 50 ngàn tấn đã vào cảng Sài Gòn.

Quá trình hình thành trung tâm dân cư, kinh tế, văn hóa, giao dịch trong ngoài nước của đất Bến Nghé

xưa cho đến Sài Gòn thành phố Hồ Chí Minh ngày nay gắn liền với vị trí, điều kiện địa lý của bản thân vùng đất này, trong đó có vai trò lớn lao của những con sông Rừng Sắt.

Nhìn cửa bể Cần Giờ, người ta hiểu tại sao Bến Nghé xưa đã được khách nước ngoài ca ngợi là bao lơn của Thái Bình Dương, tại sao Nhà Bè đã được coi là vị trí chiến lược từ thế kỷ 17, tại sao những kho tàng lớn nhất của quân xâm lược Mỹ sau này lại tập trung ở đầu sông Lòng Tàu...

Về mặt lưu thông đường sông trong nước thì Rừng Sắt không chỉ có sông Lòng Tàu. Sông Soài Rạp không đón tàu vận tải nhưng thật là thuận tiện cho những tàu năm bảy ngàn tấn, những chiếc ghe chài đầy hàng, bè ngấp nghé mặt nước, những đoàn tàu kéo dài dằng dặc, những cánh buồm no gió... nổi lên trung tâm kinh tế dân cư hàng đầu của đất nước với vựa thóc đồng bằng Nam Bộ, với kho hải sản miền Trung, Côn Đảo và tất cả vùng biển bao la.

Với số đường bộ ít ỏi — đường Cần Giờ — Đồng Hòa, đường 19, 325, 327 chạy cặp triền đồi lòng chảo Nhơn Trạch bao quanh thành Tuy Hạ, ra Long Thành, quốc lộ 15, sông rạch Rừng Sắt cho phép xuống ghe đến bất cứ nơi nào trong vùng.

Một cửa ngõ đại dương đặc biệt như vậy đòi hỏi bức thiết những điều kiện đảm bảo cho việc phòng thủ. Chỉ riêng việc đó thôi, Rừng Sắt đã trở thành một món quà tặng quý giá của thiên nhiên đối với đất nước chúng ta. Rừng Sắt đủ sâu để bao trùm cả sông Lòng Tàu và đủ rộng để làm cái gạch nối giữa sông Soài Rạp và quốc lộ 15. Và thiên nhiên cũng không chỉ cho ta một khu rừng như mọi khu rừng mà lại là một trận đồ bát quái của mạng nhện luồng lạch, một pháo đài tự nhiên của trùng điệp đảo triều..

Hàng trăm đảo triều dân thế trận bao vây quân thù xâm lăng từ cửa ngõ đại dương. Đồng thời, với hình thế chiến thuật đó, cộng vào «thế dân» và sự giàu có từ lòng nước. Rừng Sắt có đủ điều kiện trở thành một căn cứ địa kháng chiến. Đó là điều giải thích cho sự hình thành và tồn tại chiến khu Rừng Sắt trong cuộc chiến đấu 30 năm dài, một chiến khu ở sát sào huyết và trong vòng vây quân thù mà vẫn đứng vững suốt hai mùa kháng chiến, một trận địa mà chính tên tướng Westmoreland phải ngạc nhiên về điều mà những tên lính Mỹ đã gặp phải : «một cuộc chiến đấu kỳ lạ trong một cuộc chiến tranh kỳ lạ » («Trình trình người lính» của Westmoreland—đoạn nói về Rừng Sắt).

Có thể nói rằng : nếu Sài Gòn là dạ dày thì sông Lòng Tàu là cổ họng, Soài Rạp, Thị Vải là hai mạch chủ ; nếu Vũng Tàu, Cần Giuộc, Đồng Hòa, Vàm Láng là hỗn con mắt nhìn ra đại dương thì Rừng Sắt là tay chân. Nói khác đi, Rừng Sắt là pháo đài giáp chiến quân thù từ phát súng xam lét đầu tiên trên cửa biển này.

Tầm nhìn chiến lược của các nhà quân sự Việt Nam về sông Lòng Tàu đã thể hiện ngay từ khi Nguyễn Huệ kéo đoàn thuyền chiến vòng xuống biển Nam rồi ngược sông Lòng Tàu để chiếm thành Gia Định của Nguyễn Ánh, Rừng Sắt trở thành một nhân chứng lịch sử.

Năm Canh Tý (1780), Nguyễn Ánh xưng vương ở thành Gia Định chuẩn bị lực lượng đánh ra Qui Nhơn. Mùa Xuân năm Nhâm Dần (1782) Nguyễn Huệ dẫn mấy trăm chiến thuyền vào cửa Cần Giuộc. Lực lượng của thủy quân Nguyễn Ánh tại cửa sông lúc bấy giờ có 400 thuyền, 70 ghe lớn và chiếc tàu Bồ Đào Nha do Manuel chỉ huy có mười đại bác (Manuel là chuyên viên thủy quân Pháp mà Bà Đa Lộc đã tuyển cho Nguyễn Ánh để làm

làm cổ vũ huấn luyện thủy quân). Trận đánh trên cửa sông diễn ra quyết liệt. Nội bộ Nguyễn Ánh đang lục đục lại đứng trước thế nước vỡ bờ của quân Tây Sơn, một tướng của Nguyễn Ánh và một phần lớn ghe thuyền phải chạy sang hàng. Biết nguy, Nguyễn Ánh rút chạy về Ba Giồng (Định Tường), Thất kỳ giang. Tây Sơn đuổi theo ráo riết, cố treo lên tàu Manuel mặc dù bị lựu đạn ném đánh lại dữ dội. Manuel dốc sức cầm cự nhưng không nổi, phải chằm lửa đốt thuyền và y cũng chết cháy luôn. Sông Ngã Bảy ghi nhận trận tiêu diệt chiến hạm quân xâm lược phương tây đầu tiên ở nước ta. Sau trận thua đau đó, Ánh còn một thân và một số hộ vệ chạy về An Giang rồi cho người đi lạy lức xin Xiêm cứu viện.

Tháng 8 năm Nhâm Dần, Châu Văn Tiếp lại vào chiếm Gia Định và đưa Ánh về Sài Gòn (lúc này Nguyễn Huệ không có mặt ở đây). Tháng 2 năm Quý Mão (1783) Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lại xuất hiện trên cửa bể Cần Giờ, biết nguy hiểm, Nguyễn Ánh và Châu Văn Tiếp xuất toàn lực ra nghênh chiến. Quân Tây Sơn tiến như nước vỡ bờ theo sông Lòng Tàu. Bên bắc ngạn, tư khấu Nguyễn Văn Kim dẫn đầu, bên nam ngạn có đồ đốc Lê Văn Kế. Khi hỏa công của quân Ánh phóng ra, gió đông bắc thổi ngược lại khiến lửa đốt cháy hạm đội của y. Sau khi quân Tây Sơn hạ đồn Cá Trê và Rạch Bàng (vùng cầu Tân Thuận ngày nay) án ngữ Bến Nghé. Binh tướng Ánh tan vỡ hết. Châu Văn Tiếp chạy thoát thân qua Xiêm lại xin cầu viện (ở Gia Định Châu Văn Tiếp được Ánh giao chức « Khâm sai đô đốc chương cơ quan an toàn dinh lệnh tại tư nông » « điều phát tướng sĩ chư sự vụ quận công »). Sau trận này, Ánh chạy về Tam Phú còn được một tướng đi theo là Nguyễn Kim Phàm cùng năm sáu thân tín và ngót khoảng một trăm lính tráng. Quân Tây Sơn thì lại vào Sài Gòn.

Trên cửa bể Cần Giờ và ngã ba sông Lòng Tàu, ngày nay những người đánh cá đôi khi kéo lên được những mũi giáo đồng, những dấu tích của đồ binh khí, phải chăng đây là dấu tích của cuộc hành quân Tây Sơn. Trên sông Lòng Tàu còn một tảng đá mà đêm đêm ở đây người ta thường nghe tiếng nước reo như mưa gào như gió thét. Có truyền thuyết cho rằng đá hàn là công trình do ông cha ta làm để ngăn cản tàu Pháp nhưng cũng có thuyết cho rằng đá hàn là một cửa mà Nguyễn Ánh bắt nhân dân làm để ngăn cản quân Tây Sơn.

Hàng trăm năm nay, kể từ khi mảnh đất phương nam Tổ quốc được xác định, đứng ở đầu sông ngọn gió, Rừng Sát đã trở thành người chiến sĩ tiên tiêu ở một miền đất nước.

Thời Thiệu Trị (1847) khi quân Pháp muốn gây hấn chiếm lấy nước ta, vua Thiệu Trị đã nói : « Gia Định là cửa lớn nhất của Nam Kỳ, cửa Cần Giờ lại rất quan yếu... » Sau vụ khiêu khích của chiếc tàu La Victoriense ở Đà Nẵng (ngày 15 tháng 5 năm 1847), lệnh chiếu cho xuất kho 3200 cân đồng để đúc thêm đại bác đặt ở nơi quan yếu như Cần Giờ, Thị Nại. Cần Giờ là cửa đông của Rừng Sát về phía giáp biển. Những ông già xưa nói rằng : xưa kia nơi đây là chỗ cần giờ, tàu ghe ngoài biển đi qua đây thì định giờ lại, hai tiếng cần giờ biến ra Cần Giờ.

Trong lúc nước ta đang có nguy cơ bị xâm lăng, vua Thiệu Trị còn xuống dụ : « Cửa Cần Giờ, Phú Mỹ, Tam Kỳ lại rất quan yếu, tỉnh thần phải xét rõ tình thế, lập thêm đồn lũy, đề phòng việc phòng bị... » (tỉnh thần là tiếng vua gọi các quan hàng tỉnh thời đó).

Và lịch sử còn ghi lại rằng : mười giờ sáng ngày 10 tháng 2 năm 1859, tàu Pháp và Tây Ban Nha đánh vào pháo đài phòng thủ Vũng Tàu. Đến 5 giờ chiều thì

pháo đài này tan hoang xơ xác (lúc bấy giờ vào thời Tự Đức). Ngày 11 tháng 2 tiếp theo, quân Pháp chuyển sang tấn công cửa Cần Giờ để thọc sâu vào nước ta. Lúc đó tại Cần Giờ quân ta thiết lập rất nhiều pháo đài và cần đề chặn tàu giặc. Với vũ khí tối tân hơn, suốt dọc tuyến phòng thủ của ta trên bờ biển Cần Giờ quân Pháp pháo kích gây thiệt hại nặng nề các pháo đài ngay trong ngày hôm đó. Mặc dầu ta bắn trả cũng rất quyết liệt, các đội chiến thuyền cũng xua ra biển để tấn công các tàu địch, có đến hàng trăm xuồng ghe... nhưng do súng ống của ta bắn không được xa, đạn bắn tản mát lớn nên kết quả cuối cùng là các thuyền của ta lần lượt bị bắn chìm hết, các pháo đài của ta hầu hết bị đạn đại bác Pháp làm vỡ tung và bốc cháy. Vì chỉ huy mặt trận này tử trận. Quân ta chết có hàng ngàn người. Trận địa trên bộ, dưới sông, cửa biển thế là bị chọc thủng hoàn toàn. Thế nhưng quân Pháp không đồ bộ, có lẽ vì rừng rú âm u, nhiều sông con rạch nhỏ và sinh lầy cản trở, chúng chỉ cố sức phá banh các cần đề chuẩn bị vượt sông vào Sài Gòn. Những trận đánh dọc theo con sông này cũng khá ác liệt. Tuy vậy không được bất ngờ đối với chúng bởi vì đã có một số tay sai được chúng tạo ra. Số là trước cuộc tấn công xâm lược vào nước ta, bọn Pháp đã tổ chức được hai đội « phụ lực quân » bọn này gồm một số tên trong đạo thiên chúa và những tên phản quốc. Chúng trở thành thám báo dẫn đường, làm ám hiệu đánh dấu những đồn và rào, cần của ta bố trí dọc theo sông Lòng Tàu, trên khu vực Rừng Sát. Do đó, các đồn Tam Kỳ, Xóm Rầy, Ấn Thít, Chà Là, Ông Nghĩa, Bến Tranh... lần lượt rơi rụng khi đoàn tàu chiến của Rigault de Genouilly tràn đến.

Ba ngày đêm của năm 1859 ấy, những trận đánh diễn ra trên sông rạch, đất đai Rừng Sát của quân ta chống quân Pháp đã để lại cho muôn đời những trang

sử bi hùng. Phương tiện chiến tranh của ta lúc ấy thua kém hẳn quân thù một trời một vực. Chúng nó lại có tay trong tay ngoài. Các cụ tiền bối của chúng ta chỉ có trái tim và lòng trung thành quả cảm cộng với súng ống thô sơ, giáo mác, gậy gộc... cuối cùng đành chịu hy sinh trong tình thần tử thủ bất diệt.

Những sự lách về cuộc chiến đấu trên các pháo đài phòng thủ Cần Giờ cho đến ngày nay hãy còn truyền tụng trong dân gian. Tại sao kêu là Giồng Cháy? Giặc Pháp đã nã pháo vào đấy, khói lửa ngút trời, có bao nhiêu người tử thủ đề rồi nằm xuống luôn tại chỗ. Tại sao lại có những vị thần, những vị thần ở các đình chùa, miếu mạo ở rải rác trên khắp Rừng Sát. Đó là những vị chỉ huy, những chiến sĩ đã trải mặt phơi gan, lăn xả vào quân thù một mất một còn với quân xâm lược trên mặt trận phòng thủ Cần Giờ năm 1859 ấy.

Cho đến ngày 15 tháng 2 năm 1859 thì chiến thuyền quân Pháp đã tới được Nhà Bè. Nơi đây chiến thuyền của ta cũng ra nghênh chiến. Tiếng súng rền vang khu rừng, tiếng reo hò giết giặc vang dậy trên sông. Nhưng rồi chiến thuyền của ta bị đánh tan.

Theo một số sách vở để lại thì viên giám mục thiên chúa giáo người Pháp Lefevre đã bị truy nã từ trước vì những hoạt động gián điệp của y, và nhờ những giáo dân Việt Nam phản quốc, Lefevre đã trốn thoát được ngay trong dịp quân Pháp vào đến Nhà Bè. Y đã cùng một số giáo dân phản quốc nỡ ra được chiến thuyền của quân Pháp (cũng có thể y lên được tàu Pháp từ khi quân Pháp vừa phá vỡ tuyến phòng thủ Cần Giờ kia). Bọn này liền báo cho Rigault de Genouilly biết tình hình phòng thủ của quân ta và chính chúng nó đã dẫn dắt quân Pháp tấn công trúng đích. Tài liệu cũ

còn nói rõ cuộc tấn công của quân Pháp thắng lợi lớn ở Sài Gòn chính là nhờ bọn Lefevre đã chỉ đúng hai đồn bắc nam Tân Thuận, chỉ cần cách bố phòng, vũ khí trang bị và tổ chức nữa. Cuộc chiến đấu tại Tân Thuận, bên này sông và Thủ Thiêm bên kia sông đã diễn ra rất ác liệt. Những dấu tích ngày nay còn để lại ở các đền thờ sắc các vị thần tử thủ chống quân xâm lược ở mặt trận Thủ Thiêm — Tân Thuận. Các sách vở Histoire de L'Indochine — Française thì nói « chẳng có một tàu Pháp nào trúng đạn cả » và « kết quả là hai tiền đồn quân Việt Nam tan tành »... Tàu Pháp có trúng đạn không ? Chưa ai biết, nhưng lịch sử đã xác minh : quyết liều thân chống trả lực lượng xâm lăng hùng mạnh, quân ta chết rất nhiều.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, quân Pháp tấn công thành Gia Định sau khi đã hoàn toàn ra khỏi Rừng Sát.

Nước mất nhà tan !

*Bến Nghé, cửa tiền tan bọt nước,
Đồng Nai, tranh ngói nhuộm màu mây.*

Cụ Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ yêu nước và chiến đấu đã thốt lên nỗi uất hận đau buồn khi thành Gia Định đã rơi vào tay quân xâm lược :

*Hỡi trang đẹp loạn còn đâu lá ?
Nỡ để dân đen chịu cảnh này !*

Nhưng gây gộc, giặc mác không đầu hàng tàu chiến, đại bác. Năm 1859 Pháp chiếm Sài Gòn-Gia Định thì năm 1860 đã nổi lên khởi nghĩa Trương Định, Nguyễn Thông, Nguyễn Thành Ý, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt, Lưu Tấn Thiên, Đỗ Đình Toại... Các cụ tự đứng lên chiêu tập binh mã dựng cờ « bình Tây », « tự vệ »... chống Pháp, thanh thế lừng xang ở Rừng Sát, Gò Công, Đồng Tháp... Rừng Sát trở thành một vùng căn cứ hội tụ nghĩa quân quan trọng. (Lý

Nhơn được cụ Đồ Chiểu ca ngợi như căn cứ hiểm yếu của Trương Định với « Năm Căn, Ba Trại » dành cho nghĩa quân nương náu giữa sông Soài Rạp và Đồng Tranh). Cuộc kháng chiến của các cụ kéo dài được mười lăm năm ròng và lan đi khắp cả lục tỉnh Nam Kỳ.

Suốt thời gian nói trên, ở Rừng Sắt đã diễn ra nhiều trận đánh oanh liệt. Trận tập kích nổi tiếng nhất là trận Cần Giuộc — Cần Giuộc hồi bấy giờ cũng thuộc phạm vi của Rừng Sắt, tuy không phải chính gốc trung tâm, Rừng Sắt là nơi luyện binh, chuẩn bị cho trận đánh lịch sử này.

Cuộc kháng chiến mười lăm năm ấy của các cụ còn để lại ở Rừng Sắt nhiều sự tích nửa truyền thuyết nửa thật, có liên quan đến những nhân vật có thật trong lịch sử và qua đó ta thấy phần lớn những gì đã làm nên giá trị tinh thần của người Rừng Sắt.

Cư dân Rừng Sắt có từ bao giờ ? Đó là điều chưa được xác định rõ. Phải chăng Rừng Sắt đã có người ở từ thời bộ lạc ? Ở gần ngã ba Thiềng Liềng giữa một vùng phù sa bùn lầy, lá mục, lại có hàng trăm gò đất màu vàng cháy, những gò đất đỏ bazan. Người ta đã đào thử một số gò. Năm 1980, ở gò Cái Trăm, người ta khai quật được 4 bộ xương người, nhiều vỏ ốc, sò, các tảng đá dài, trên đầu bộ xương, có hoa tai đồng... Ở xã Long Hòa, người ta còn đào được mười bộ xương, xét nghiệm cho thấy có thể là xương người thế kỷ XIII... Từ xóm người Tiều Châu ở bắc xã Lý Nhơn đi vào 8 đến 10 cây số đến Tắc Từ Miếu cạnh Rạch Lá nhỏ có 3 cái giồng bề ngang hai đến ba chục mét, bề dài từ ba đến năm chục mét, nằm gối lưng nhau. « Thời chín năm » đây là căn cứ của tiều đoàn Nguyễn Văn Tiếp (gốc là bộ đội Cần Giuộc).

Sau này cư dân của Rừng Sắt không phải là người chinh gốc ở đây. Họ là người tứ xứ, họ đến Rừng Sắt làm ăn, sinh cơ lập nghiệp, lánh né... và mưu đồ « đại sự » cũng có. Trừ những vùng ven Rừng Sắt như Cần Đước, Cần Giuộc, Nhơn Trạch, Long Thành, Nhà Bè, có phần căn cơ cội gốc. Còn ngay các điểm tụ tập dân cư ở phía bên trong Rừng Sắt thì là dân bốn phương qui tụ, coi như là trên đầu không có kẻ quyền lực, dưới chân là đất riêng một cõi, chim trời cá nước không thuộc của ai... Vì vậy, dân Rừng Sắt có một đời sống xã hội dữ dội hơn thiên hạ.

Xưa kia, đây là nơi tụ tập « anh hùng hảo hớn », « hào kiệt phi nhân » mà suốt thời cai trị của thực dân Pháp, coi như chúng bắt lực. Vì lẽ đó, bộ máy hành chánh của xứ này cũng chỉ là tượng trưng cho lấy có. Khi thì Rừng Sắt thuộc về tỉnh Gia Định, lúc thì lại nằm trong tỉnh Chợ Lớn. Có thời lại dính với Biên Hòa, Bà Rịa... Thời kháng chiến chống Pháp, Rừng Sắt, thuộc về ba huyện Nhà Bè (Gia Định), Long Thành (Biên Hòa), Vũng Tàu (Bà Rịa). Nói chung, Rừng Sắt là một vùng đất trôi qua giạt lại trong sự cai quản hành chính qua các thời kỳ. Nhưng dân Rừng Sắt vẫn là dân Rừng Sắt.

Từ đặc điểm dân cư này, « xã hội Rừng Sắt » thời xa xưa là một xã hội xưng hùng xưng bá, xã hội của những « anh chị ». Cho đến những người dân lam lũ, bình thường, ở Rừng Sắt này cũng mang một sắc thái có nhiều góc cạnh khác thường hơn thiên hạ. Họ chia ra từng nhóm nhỏ, từng khúc sông, ngọn rạch, tròng rừng. Có khi cả một gia đình ở trên một chiếc ghe với một con sào. Sào cắm ở đâu họ làm chủ khúc sông đó. Có những người thọc thẳng vào rừng sâu rồi khoét rừng rồi moi đất vớt nước để sống không màng đến thế giới bên ngoài. Họ tự tạo lấy cuộc sống rừng rú bằng chim trời,

cá nước, những cái-mà «bà», «cậu» đã biệť đăi cho xứ này. Những ai bỏ thể giới bên ngoài đến đây chỉ cần hai bàn tay, mọi thứ đã có «bà», «cậu» lo rồi. Cuộc đời của họ chỉ tồn cái «bà», «cậu» đó thôi, tức là tên cái sức mạnh huyền bí mà người xưa chưa giải thích được...

Tuy phải đương đầu với mọi thứ khắc nghiệt, hiểm nguy của Rừng Sắt như nước mắn, rắn, cạp, cá sấu, nhưng cuộc đời đã quen vật lộn, nào có xá chi.

Nhiều người từng sống ở Rừng Sắt đã phát hiện ra rằng : Ở đây con gái thì có giọng thanh của dây đàn lư, dễ phân biệt với các thứ tiếng khác, đàn ông thì có giọng ồm ồm mà vang dễ nổi bật trong tiếng gió rừng và sóng biển... phải chăng đó là những dấu hiệu về sự thích nghi của con người trước thiên nhiên vui đăp. Ở đây người ta tồn sùng sức mạnh của con người theo kiểu «Thạch Sanh chém chắg». Tiếng đồn về một người đàn bà đi rừng kiếm củi, tay cầm búa rượ nai chà, vạt đều bắt sống nó ngay trên một bãi bùn dưới rắch, không biết có từ bao giờ, nhưng đến ngày nay vẫn còn. Trên đường Bà Rịa — Vũng Tàu có một chỗ gọi là «Èo Ông Từ». Theo chuyện kể địa phương, cách đây năm sáu chục năm ở vùng này nổi tiếng nhiều cạp, có một người tên là Lê Văn Từ làm nghề đốn củi, mức dầu rắi, võ nghệ cao cường giết chết nhiều cạp dữ, nhưng cuối cùng chúng nó phục kích hạ đượ ông, từ đó, người ta đặt tên cho một cái eo đắ là Èo Ông Từ để tưởng nhớ tới người giết cạp. Ở Rừng Sắt có một kiểu săn sấu nguy hiểm không kém săn hổ. Săn sấu bằng đèn và chĩa thì chỉ bắt đượ những con năm mười kilô. Nếu câu bằng chó, vẹt thì không đánh lừa nổi những con sấu ta. Muốn bắt thứ này người ta phải «lấy thân mình làm mồi», «Người mồi», trước hết phải có gan còn phải lão luyện, và chính đó là người thợ săn cá sấu, còn gọi

là người Traomun. Đầu tiên, họ thả thử một con mồi thử với «lưỡi câu» là hai thanh sắt nhọn hàn chéo hình chữ thập (nó không móc họng mà chổng ngang mang cá sấu). Cá sấu chỉ lớn vờn mà không đến thì đó là con lớn. Lúc ấy «người mồi» ra trận. «Người mồi» vẽ lên mình những đường rắn ri dữ tợn, trước ngực một bó phao tre, sau lưng một bó phao tre, tay cầm một cây lao bằng mun đầu bịt sắt, có buộc một sợi dây dài hàng trăm mét, «người mồi» lao ra giữa sông. Xung quanh, các xuồng ghe đã phục kích sẵn sàng tiếp ứng. «Người mồi» đập nước rầm rầm cho cá sấu «nghe» mà tới. Cá sấu ra đi từ lúc nào không ai biết, nhưng khi xuất hiện thì nó đã sát bên người mồi. Và như vậy là cuộc giao chiến bắt đầu. Sấu nhào tới tấp, cổ họng há ra thì nước tràn thành sóng nước. Nước đang ra, người và phao càng xấp tới. Sấu không chịu thua, người thì lura thế dầm vào mang. Khi đã dầm được, người mồi thả dây rồi bơi vào bờ. Thường cá sấu về hang, về bùn. Xuồng ghe phục kích lao ra. Sấu không đưa hẳn lên mặt nước được, phải dùng ghe lườn cặp hai bên, kéo về bến. Những người săn sấu lập thành từng gánh (cho đến «thời chín năm» vẫn còn những gánh săn sấu như gánh ông Tư Xe hoạt động vùng Lý Nhơn, họ thường chỉ lấy da, còn thịt cho bộ đội).

Dân Rừng Sắt, theo giới cai trị của người Pháp — dân «cứng đầu», «dân bất trị». Tính phản kháng hầu như đã nằm trong máu thịt của bất cứ con người nào, dầu trai hay gái, già hay trẻ, túng thiếu hay dư dả, không phải là bà con ruột thịt, họ hàng, nhưng đã kết nghĩa giao thề, họ sẵn sàng sống chết với nhau. Sức mạnh tinh thần của họ là ở chỗ phục tùng một con người này hoặc một con người khác. Con người đó thường đã trải qua thử thách «sinh tử» để làm xuất

hiện một bản lĩnh mà họ nề phục. Có thể đó là con người đã từng đánh với cọp, vật lộn với cá sấu, có thể đó là một tay cự phách hoặc đã từng đối địch với cường quyền, hoặc là loại Hòn Minh, Tử Trục thấy việc « bất bình chẳng tha »... thông thường những con người ấy đã hạ thủ tất cả các đối thủ của mình mà xưng danh một cõi. Chung qui lại, họ có sức thuyết phục của tinh thần hào hiệp, của chí khí trọng nghĩa khinh tài. Sự nề phục ấy tạo ra một cái luật gọi là « luật giang hồ », một thứ luật có tính chất song phẳng. Anh tha tôi, tôi tha anh, anh tốt với tôi, tôi tốt với anh, và nếu ngược lại, tức thời trị ngay. Đã ăn thời phải trả, thua thời phải chung. Điều tối kỵ của « luật giang hồ » là bội tín. Bội tín là sống chết, là theo tôi cùng, là rớt lời ờ.

« Luật giang hồ » có chỗ mạnh mà cũng có chỗ yếu. Nó vốn mang cái phản kháng đối với cường quyền áp bức, là cái không đầu phục xã hội đương thời, thời Tây, thời Mỹ, nhưng rồi nó dễ đi đến phá phách tất cả, rồi trở thành cái họa. Chúng ta từng thấy ở đây những đảng trộm cướp nổi tiếng như « đảng dao găm », « đảng dao quắm », « đảng búa đánh »... những « anh chị bụi » của thời Tây, thời Mỹ ở Sài Gòn, Chợ Lớn đã về đây. Ban ngày chúng ăn náu trong Rừng Sát đêm đêm chúng chia nhau về các ngã sông, về Sài Gòn, Chợ Lớn, đón cướp tàu thuyền, cướp tiền bạc, của cải, bắt cóc con gái...

Nhưng điều cuối cùng sâu xa nhất, chính hoàn cảnh địa lý lịch sử đặc biệt đã để lại cho con người Rừng Sát một giá trị tinh thần quý báu. Địa lý để lại cái cần cù của những cuộc đời khoét rừng vớt nước, cái chịu đựng và phóng khoáng của những con người trước thiên nhiên vui đập nhưng có nhiều ưu đãi, và

cái ngang tàng, dữ dội của những cuộc đời « cá nước chim trời riêng một cõi... ». Lịch sử để lại cái hào khí « ông cha ta còn ở đất Đồng Nai... ». Ta có thể nhìn thấy những giá trị tinh thần ấy, hào khí ấy ở ngay trong những sự tích, truyền thuyết của địa phương có dính liền đến những sự kiện và con người có thật trong lịch sử, trong lý tưởng « sinh vì quân, tử vì thần » của những ông già xưa — quân ở đây không hẳn là vua, mà là những người đứng ra tập hợp « bốn phương mạnh mẽ » để mưu việc đại sự, đứng đầu một cõi, những ông như Trương Định, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt... đều là « quân ». Những giá trị tinh thần ấy bắt gặp lý tưởng cách mạng chẳng khác nào những dòng suối, những con sông bắt gặp biển cả.

Một thời kỳ đen tối và đầy bi kịch của lịch sử đã để lại cho Rừng Sát những vị thần, những sự tích, những truyền thuyết và cả những đạo, những đảng mà qua đó ta thấy một phần giá trị tinh thần của người Rừng Sát và cả hình ảnh của « xã hội Rừng Sát ».

Sự tích Ông Thần Không Đầu :

Ở xã Lý Nhơn ngày nay vẫn còn một ngôi đình thờ một vị thần gọi là « Thần Không Đầu ». Theo ông Lê Văn Kiên (Năm Kiên), ông từ của đình và các vị bô lão xã Lý Nhơn kể lại thì ông Thần Không Đầu lúc còn sống tên là Dương Văn Hạnh (Sáu Hạnh). Xã Lý Nhơn xưa là một khu rừng hoang vu chưa có tên. Theo truyền thuyết, có một người họ Lý tên Nhơn đến đây khai phá, qui tụ cư dân. Ông này đến lúc chết vẫn không có con nên dân lấy tên ông đặt tên làng để tưởng nhớ « người khai thiên lập địa ». Ông Trương Định rút quân về chiến khu Lý Nhơn lúc ở đây đã có nhiều dân cư, có chính quyền tự quản. Ông Trương Thế Đường làm xã trưởng, ông Dương Văn Hạnh là

phổ xã trưởng và ông Cả Hành là người đứng ra căng dăng việc chung của xã. Ông Dương Văn Hạnh trở thành « đệ tử » của nguyên soái Trương Định, chuyên lo việc hậu cần trong thời gian ngài còn ở đây. Khi giặc Pháp tràn về, chúng bắt cả ba ông vì tội có liên quan đến nghĩa quân. Về sau ông Cả Hành bị đẩy ra Côn Đảo, ông Trương Thế Đường mất tích. Còn ông Dương Văn Hạnh, bọn Pháp đưa về Sài Gòn một thời gian ngắn hừa phong quân liên chức nếu chịu chỉ chỗ Trương Định. Ông Sáu quyết không chỉ. Hai câu trả lời đầy khi phách của ông vẫn còn truyền lại trong dân gian ngày nay

— Ta thà chết chứ không để giặc bắt ông Định.

— Sinh vì quân, tử vì thần.

Thuyết phục mãi không được, giặc Pháp đưa ông Sáu về Lý Nhơn, tập trung dân ra bờ sông, chỗ mà lúc bấy giờ là bến chính của làng. Chúng dùng thân tre chẻ đôi kẹp vào cổ ông Sáu, chêm đứt đầu, quăng xác xuống sông. Ngày tháng nào không còn ai nhớ rõ. Dân tìm vớt xác ông đem về chôn tại một khoảng đất phía bên trong chỗ ông bị chêm. Ngồi mộ bằng đá. Ông Sáu không có con, nhưng cho đến ngày nay vẫn có người trông coi mộ mả, hương đèn tử tế. Sau khi dập tắt được cuộc khởi nghĩa Trương Định, giặc Pháp rút đi, dân tỉnh xã Lý Nhơn không ổn định. Người già đi tìm thầy xem đất. Một thầy địa lý không hiểu vì mê tin hay vì cảm thương người vì nước quên thân, đã phán rằng : « Đất Lý Nhơn đã có chủ, nhưng hiện nay chưa ổn định vì người chủ mất đầu, còn đi lang thang, chưa có nơi yên nghỉ. Người già cần xây đình thờ ông Sáu Hạnh ». Nhân dân Lý Nhơn góp tiền xây đền thờ, phải giấu tên ông Sáu Hạnh mà gọi là « Ông Thần Không Đầu ». Ngôi đình đặt ngay chỗ ông Sáu bị chêm, ngày nay gọi là Bến Đình là do vậy. Lâu

ngày đất lở, ngôi đình có nguy cơ lở theo, nên phải dời đi nơi khác. Thời đánh Mỹ, ngôi đình này chính là nơi cách mạng hội họp nên bị đánh phá tan nát. Một lần nữa, ngôi đình lại phải dời đến vị trí mà ngày nay là khu vực trụ sở xã.

Tinh thần bất tử của ông Thần Không Đầu có ảnh hưởng đến truyền thống của nhân dân trong vùng. Họ hàng của ông còn lại đến ngày nay có ông Dương Tấn Phát tính đến năm tám mươi là 75 tuổi, chủ tịch mặt trận, là một trong 3 người đảng viên đầu tiên của xã Lý Nhơn. Hai đảng viên khác cùng thời là Trương Lương Bửu, Phạm Hồng Thái. Hai ông Trương Lương Bửu và Phạm Hồng Thái đều đã hy sinh trong thời đánh Pháp. Ngày nay đến xã Lý Nhơn, ta thấy một trong hai ấp có tên là Lý Thái Bửu. Lý là tên chữ đầu của xã, Thái là tên của Phạm Hồng Thái, Bửu là tên ông Trương Lương Bửu. Noi gương ông Thần Không Đầu, từ bao nhiêu cuộc khởi nghĩa xưa kia cho đến thời chín năm, rồi đến thời đánh Mỹ, những người dân xã Lý Nhơn luôn luôn là những « người linh hậu cần » của chiến khu Rừng Sắt. Nay toàn xã có gần 400 hộ với 2200 khẩu, trong đó có 82% là gia đình liệt sĩ.

— Đạo Ông Trần :

Từ thị xã Vũng Tàu, ngồi xuồng đi về phía bắc độ 5 hải lý, qua một cái vịnh nhỏ, ta sẽ đến cù lao « giang sơn đạo Ông Trần ».

Đạo Ông Trần là một hiện tượng xã hội vừa có « sắc thái Rừng Sắt » vừa có dáng dấp của những vùng đạo giáo Bảy Núi, Hòa Hảo, đất chùa Tây An... ở miệt Long Xuyên, Châu Đốc (An Giang ngày nay).

Cho đến bây giờ đến đây người ta vẫn cảm thấy như lạc vào một xứ sở xa xưa nào : những đền đài, miếu mạo trang nghiêm, những người dân ông áo dài đen,

dầu tóc củ hành, những tốp đàn bà đứng tuổi đi lạy buổi sáng, nhà nhà bàn thờ nhiều hơn giường tủ...

Cù lao này rộng bằng một xã lớn, ở giữa có núi lượn hình rồng xanh tươi tre nứa (xưa kia) nên nó đã mang tên là xã Sơn Long, làng Núi Nứa, từ năm 1962 đổi là xã Long Sơn

Biển Long Sơn rất giàu, nhưng rừng Long Sơn xưa kia lắm cát và nhiều cộp dũ. Cuối thế kỷ thứ 19 đã có hai người đến đây « lập lán » (lập hội mùa lán để chiêu mộ người đến khai hoang), nhưng đều chịu không nổi phải bỏ đi. Tuy nhiên, cũng có một người dám trụ lại là Bà Trao, nên sau này có một ấp gọi là ấp Bà Trao (chỗ đền đài, trụ sở xã bây giờ). Sau đó có một người tên là Lê Văn Mưu đến đây trên một chiếc xuồng với một đứa con trai và cái « Túi đựng bầu trời đất », chính thức xin « lập lán » (1900), chiêu mộ bốn phương đến lập « giang sơn đạo Ông Trần ».

« Đạo Ông Trần » chỉ gói gọn trong một cù lao. Lịch sử của nó gắn liền với quá trình khai hoang ở đây và hoạt động kỳ quặc của một con người — ông Lê Văn Mưu.

Ở vùng Bảy Núi (tỉnh An Giang) xưa kia (cuối thế kỷ 19 ?) đã xuất hiện một « giáo phái » gọi là Bửu Sơn Kỳ Hương, giáo phái này lại đẻ ra những chi phái, trong đó có chi « Thi ân hiếu nghĩa » có « giang sơn » riêng trên vùng Bảy Núi. Ông Lê Văn Mưu sinh năm 1856 (ở làng Thiện Khánh, huyện Giang Thành, tỉnh Hà Tiên, nay thuộc Kiên Giang), đi học thầy đạo Hiếu Nghĩa năm 30 tuổi rồi được thầy giao một cái « túi bầu trời đất » để đi về phía đông « lập giang sơn, sửa đạo pháp ». Ông không biết chữ nhưng thuộc nhiều « sấm » nhiều văn xé bí hiểm. Ra đi, ngoài cái « túi

bầu trời đất», những câu sấm, vé bi hiểm, ông còn những « vốn liếng » bí hiểm khác như cái tật đặc biệt của cơ thể — chân trái ngắn hơn chân phải, và nghề bốc thuốc với các vị tam hoàng ngũ đế (ba cây nhang bẻ làm năm) cộng với lá bùa... Nhưng đặc biệt, ông là người « xăn tay áo », biết tổ chức, tự xưng « bề trên » nhưng cách xử sự khiêm nhường ». Ông nhân danh là « Trương Điều » người trời sai xuống và giải thích cái tật đặc biệt của mình : « Bị Phật hành, bắt chìm mình dưới nước ba ngày, lấy cây đập nát chân trái ». Từ đó ở lại trần luôn, không tắm, mãi đến năm Mậu Thìn (1927) mới tắm lại một lần. Vì vậy mà người ta gọi « Ông Trần ». Ông Trần lại chỉ ăn bốn thứ lạ và trái đời : đậu xanh (« xái đậu thành bình »), cua (đi ngang), tôm (đi thụt lùi), ốc (ăn miệng tiêu ru miệng).

Đầu tiên ông đến Vũng Tàu (Bà Rịa) sinh sống với nghề bốc thuốc, làm muối, bán muối, đổi muối, chở muối lên tận Phnompenh (ông biết tiếng Khmer), làm ăn phát đạt, kéo thêm cả họ hàng dưới quê lên. Sau bị Pháp truy thuế, phải giạt về Rạch Dừa (đông nam Rừng Sát). Ở đây lại bị truy thuế và mang tiếng « gian đạo », lại giạt về Long Sơn. Từ 1900 mới làm ăn có phép tắc của chính quyền đô hộ.

Ở đây ông Trần làm ăn bằng sự kết hợp cả tin ngưỡng, bán tay lao động (buổi đầu) và óc tổ chức của mình. Trước khi « lập làn » ông đã dựng chòi tranh (chỗ dền dài ấp Bà Trao bây giờ) khai hoang ở Bến Diệp. Năm Giáp Thìn (1904) bão lụt lớn « nước trào lên cả núi non » bao nhiêu người dân nhà cửa tan hoang, cây cối tiêu điều nhất là ở miệt Gò Công, Mỹ Tho... Ông Trần xuất « 7 thiên lúa » (7 ngàn gia lúa) cho người thân tín về Gò Công, Cái Bè, Cai Lậy... đón người bị nạn lên Long Sơn, đưa tiền bạc, cơm gạo, dao cuốc cho họ dựng chòi, khai hoang. Thêm

vào những lời phán truyền bí hiểm, thương « bá tánh »... Tiếng lành đồn xa về một người Trời phải xuống cứu khổ đang ở Long Sơn lan ra lục tỉnh. Ông Trần lại cho sắm ba ghe « Long », « Sấm », « Sét » đi đón người xa đến (nay còn ghe « Sấm » được dân bảo tồn cẩn thận). Dựng bốn dãy nhà (ở chỗ chợ bây giờ) để cho họ tạm ở buổi đầu. Bốn phương qui tụ, ngày càng đông. Có những người giàu bán nhà, bán đất đến gởi tiền bạc cho ông Trần, xin cấp đất ở nơi « có người trời ». Ông Trần khoan đất khai hoang cho bất cứ ai đến, không phân biệt giàu, nghèo, giang hồ, hảo hớn, miễn chịu theo những điều ông đặt ra.

Ông nói : « Ngũ hành sanh vạn vật, đất cũng là của ngũ hành, không ai được bán, của làm ra ăn chung... ». Người mới đến đã có sẵn nhà, khai hoang phần đất mình, khi đã đủ sống thì trả nhà, ra riêng. Nhưng kể từ đó nửa phần thu nhập hàng năm phải gộp vào « ăn chung ». Ông Trần chịu thuế và quản lý phần « ăn chung » này. Ngoài ra còn « tiền nhân ngãi », tiền nhang đèn... Hàng năm, mười lăm ngày cuối, ai có đạo dù ở xa cũng phải gởi « tiền nhân ngãi » về. Phần « ăn chung » đem ra xây đền đài, cúng bái, một số phúc lợi công cộng, ngoài ra nó đi về đâu ít ai biết. Hồi ấy chỉ có cô Ba Tùng là người hầu hạ ông Trần, được giữ chìa khóa tủ tiền của.

Đất khai phá ngày càng rộng, kéo dài từ Đồng Bà Cúc, xóm Đất Sét phía bắc xuống xóm Gò Xu, xóm Chín Mầu. Riêng phần đất ông Trần đứng tên trong sổ địa bạ Bà Rịa cũ là 56 mẫu 99 sào, 98 cao. Ông lại cho xây « ngũ hồ » chứa nước ngọt, đào kênh, lấp đập ngăn mặn, xây chợ, dựng nhà máy xay...

Từ năm 1910 đến 1928, lập đền đài : lầu trời, lầu tiên, lầu phật, lầu thánh, lầu cầu, nhà đại, nhà hội, thờ cả ông Trần lẫn Khổng Tử... của qui bốn phương

qui tụ. Bị cướp lớn năm 1931, nhưng đến nay, bề thế, của cải, đền đài vẫn vượt quá tầm cỡ của một đạo chỉ gói gọn trong một cù lao, khiến ai đến xem cũng phải ngạc nhiên.

Dần dần ông Trần chỉ lo việc tổ chức, giảng đạo. Đêm đêm dân làng tụ tập nghe đọc truyện Tàu rồi nghe ông Trần giảng giải từ những chuyện vừa nghe. Thái độ « bề trên » mà « khiêm nhường » của ông Trần biểu hiện trong cách xử sự. Mỗi khi có xích mích trong đạo, ông gọi « người lớn » (ông Trần gọi những người đã thành niên là « người lớn »; người chưa thành niên là « người nhỏ ») đến nói : « Người này (tiếng tự xưng) không biết dạy, cho người này xin lỗi... » Ông cũng nói được lời hay : « Tu đây không thành tiên, thành phật mà thành người, đạo đây là đạo làm người... » Khi có lời ra tiếng vào thì :

*« Đau lòng tôi lắm bỏ trời,
Linh đình đây chèo một, chịu lời thị phi ».*

Bên cạnh phần « ăn chung », « việc chung » cũng hết sức phiền phức nhưng lại là việc đệ tử tự nguyện nhất : nào vô phiên, nào hữu phiên, nào hương chức, nào ông lớn... kết quả là luôn luôn ít nhất có 5 người chỉ chuyên việc quét dọn, lau chùi, cơm bánh, lễ tự... có ngày lên đến hàng trăm người lo việc trong đền đài, một số người ăn ở luôn với con cháu ông Trần trong nhà lớn. Hàng sáng lại từng tốp người đến lạy. Ngày trùng cửu (9 tháng 9 âm lịch), « ngày bá tánh », cấm sát sinh súc vật trên đất, cúng bái bằng vật dưới nước, coi như cả làng hội họp, cúng bái, lễ lộc. Cái tục ma chay, chôn cất cũng trái đời, khác thiên hạ. Ông Trần không cho gánh hát nào ở ngoài xâm nhập.

Dân làng Long Sơn tăng ngày càng nhanh (đến 1982 đã lên 3500 hộ với 8 ngàn người, gần bốn phần

năm theo đạo Ông Trần), nhưng làm ăn vẫn phát đạt nhờ biển hơn nhờ đất. Đây cũng là điều làm người ta càng tin vào sự che chở của « người trời ».

Năm 1934, ông Trần tập hợp « người lớn » đến nghe lời tiên tri quan trọng: « Đại Hồng thủy ». « Người lớn » hỏi: « Tờ đầu ». Ông chỉ lên mây. Thế là làng xóm hi hục vác lúa gạo lên núi, dựng nhà, xây kho. Nhưng rồi nước chỉ « lé dế » hơn bình thường một chút. Tiếng « thị phi » lại đến tai ông Trần: « Người trời hết linh rồi ! » ông Trần buồn sinh bệnh mà chết (1935).

Năm nay qua năm khác, mùa này qua mùa khác, phần « ăn chung » (bằng nửa thu nhập) của người dân đạo Ông Trần vẫn chônchặt vào « kho chung » mà chi tiêu không rõ ràng. Rồi cũng có tiếng « thị phi » nhưng cái lệ tự giác ấy vẫn tiếp tục duy trì không chính thức sau ngày giải phóng. Và dù sao đi nữa, người dân đạo ở Long Sơn cho đến bây giờ vẫn tôn thờ ông Trần như thờ người đã đưa mình về miền « đất linh », biển bạc.

Có một điều tưởng chừng như không hợp với « lẽ thường » là những con người bận việc đạo ấy lại không thờ ơ với việc « đại sự » của dân tộc. Những tiếng Long Sơn, Bà Trao, Bến Diệp, Núi Nứa... đã đi vào tình cảm của các chiến sĩ Rừng Sắt, Bà Rịa, Long Thành... không chỉ vì nước biển non xanh của một vùng đất giàu có. Họ nhớ những ông già đầu tóc củ hành, những bà mẹ tưởng chỉ biết lạy trời, lạy đất, những ngôi nhà chật nít bàn thờ ở xứ đạo Ông Trần ấy đã cứu mang mình qua bao tháng năm gian khổ, suốt hai mùa kháng chiến.

Xã Long Sơn không có hương nào dính với đất liền, nhưng ở vị trí như một cái « rốn », nó trở thành

nơi gặp gỡ của các vùng giải phóng Rừng Sắt, Bà Rịa, Vũng Tàu trong chiến tranh. Từ quốc lộ 15 có thể mở một nhánh rẽ ngắn, xây một cái cầu là Long Sơn dính luôn vào Bà Rịa. Điều này rất nghĩa cho sự gắn bó giữa Long Sơn với chiến khu Rừng Sắt, vùng giải phóng Bà Rịa — Biên Hòa và nơi đây là chỗ dựa của nhiều cơ quan kháng chiến Vũng Tàu (trong đó có huyện ủy), dù nó có trôi qua giạt lại về mặt quản lý hành chính (thời đánh Pháp Long Sơn thuộc Bà Rịa, thời đánh Mỹ thuộc đặc khu Rừng Sắt, nay thuộc đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo). Đền đài trang nghiêm nhưng khi kháng chiến cần người ta vẫn lấy chuông đồng từ đền đài gởi ra chiến khu. Đế quốc Pháp trước kia và Mỹ sau này triệt để khai thác vế tố tin ngưỡng, phong kiến trong đạo Ông Trần, cộng vào cái phù phiếm xa hoa, đã biến một bộ phận giới trẻ đi vào con đường ăn chơi, đàng điếm, nhưng lòng yêu nước của dân đạo Ông Trần không bao giờ thay đổi. Từ năm 1945 đến năm 1959 xã Long Sơn đã có ba chi bộ, gần một trăm đảng viên với số dân lúc đó dưới 3.000 người. Du kích Long Sơn từng tiêu diệt một trung đội lính Pháp (năm 1947) tại thôn Hai Cầu Đá, đánh thiệt hại nặng một đại đội đi càn (năm 1948). Thời đánh Mỹ, chi bộ Long Sơn vẫn đứng vững trong lòng dân qua bao nhiêu chà xát, đào bới của địch. Phía ngoài chúng nó đóng, phía trong vẫn là nơi ém quân của các đơn vị quân giải phóng như cả thể dân thế đất. Đội du kích Long Sơn là đội du kích mạnh của đặc khu Rừng Sắt, được xây dựng và hoạt động đúng phương hướng của Đảng bộ đặc khu : « không chiến đấu không thành du kích ». Họ đã vít cổ tại trận máy bay lên thẳng võ trang Mỹ giữa những ngày chùng nó đánh phá quyết liệt nhất. Long Sơn trở thành « điểm hậu cần » của đặc công Rừng Sắt.

Ngày nay, đến xã Long Sơn ta vẫn thấy nhiều ông già đầu tóc củ hành là đồng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam, trong đó có ông Chín Gàn trên tám mươi tuổi, người đảng viên đầu tiên của dân đạo Ông Trăn.